

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/DS -ST

Ngày: 20-9-2017

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hưởng
2. Bà Lê Ái Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn An- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2017/TLST – DS ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Xuân Đ, sinh năm 1982

Trú tại: ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

3. Ông Trần Đồng T, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

4. Ủy ban nhân dân huyện P;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh H; Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện P; Địa chỉ: H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Chị Đặng Xuân Đ, anh Nguyễn Văn K, ông Lê Văn T, ông Trần Đồng T có mặt.
- Ông Phạm Thanh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2016 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đặng Xuân Đ trình bày: Vào năm 2014 vợ chồng chị nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Đồng T, diện tích chiều ngang 5.6m, chiều dài 16.3m tại thửa 1002 việc chuyển nhượng cụ thể như sau: Lần thứ nhất năm 2014 chuyển nhượng phần đất chiều ngang 05m chiều dài cạnh giáp ông Lê Văn N 16.4m, cạnh dài còn lại là 16.3m, sau đó thì chị tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông Trần Đồng T chiều ngang 0.6m, chiều dài 16.3m, việc chuyển nhượng trên đã thực hiện xong và chị Đặng Xuân Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó thì ông Trần Đồng T đã giao đất cho chị và đã cắm 06 trụ đá làm ranh với đất ông Lê Văn T cặp bên. Quá trình sử dụng ông Lê Văn T đã lấn đất của chị một đầu chiều ngang 0.04m, một đầu 0.28m chiều dài 15.33m. Quá trình hòa giải phía ông Lê Văn T đã tự nguyện trả lại cho chị phần đất có chiều ngang 0.04m mặt giáp lộ, mặt trong 0.06m chiều dài 15.33. Nay chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất này đối với ông Lê Văn T, còn lại phần diện tích chiều ngang phía sau là 0.22m chiều dài 15.33m chị yêu cầu ông Lê Văn T phải trả lại đất cho vợ chồng chị. Ngoài ra thì chị Đặng Xuân Đ yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T cấp quyền sử dụng trên phần đất của chị diện tích 1.63m².

Theo bị đơn ông Lê Văn T và cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị C trình bày: Vào năm 2015 ông Lê Văn T nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Đồng T diện tích đất chiều ngang 11m, chiều dài 43.5m, khi chuyển nhượng thì có đo đạc thực tế và cắm ranh đất. Sau khi chuyển nhượng ông đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1002 tờ bản đồ số 8 diện tích 483.2m², giáp với phần đất này là đất của chị Đặng Xuân Đ và anh Nguyễn Văn K cũng nhận chuyển nhượng từ ông Trần Đồng T. Đất hai bên có cắm trụ đá làm ranh từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay vẫn giữ nguyên, nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Xuân Đ vì ông không có lấn đất của chị Đặng Xuân Đ.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh thống nhất yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Xuân Đ đối với ông Lê Văn T. Nay anh yêu cầu ông Lê Văn T trả lại cho vợ chồng anh diện tích chiều ngang phía sau là 0.22m chiều dài 15.33m diện tích 1.63m². Ngoài ra thì chị Đặng Xuân Đ yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T cấp quyền sử dụng trên phần đất của vợ chồng anh diện tích 1.63m².

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Đồng T trình bày: Năm 2014 ông có chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn K và chị Đặng Xuân Đ diện tích đất chiều ngang 05m, chiều dài 16.3m. Tiếp đến ông chuyển nhượng đất cho ông Lê Văn T, do lúc này phần đất giáp với chị Đặng Xuân Đ không thẳng ở vị trí 16.3m

phần đất phía sau eo qua bên đất của ông là 0.6m, nên ông Lê Văn T yêu cầu chuyển nhượng đất thẳng từ trước ra sau, nên giáp ranh với đất mà ông chuyển nhượng cho chị Đặng Xuân Đ ở phía trước phần 05m ông chừa ra chiều ngang 0.6m. Ông chuyển nhượng cho ông Lê Văn T chiều ngang 11m, chiều dài 43.5m, thì giữa đất ông sang cho ông Lê Văn T và phần đất ông sang cho anh Nguyễn Văn K phía trước còn 0.6m, nên anh Nguyễn Văn K mới sang luôn phần đất dư trên. Từ đó mới có việc ông sang cho anh Nguyễn Văn K 02 lần tổng chiều ngang đất là 5.6m, chiều ngang phía trước là 5.6m, chiều ngang phía sau 5.6m, chiều dài kết thúc ở vị trí 16.3m. Sau khi sang phần đất này thì phần đất ông sang cho ông Lê Văn T chiều ngang 11m là thẳng từ trước ra sau chứ không có eo, còn phần đất ông sang cho anh Nguyễn Văn K phần giáp với ông Lê Văn N là có cái eo 0.6m, khi đo đất chừa lại phần 05m này thì đo từ vị trí giáp ranh với ông Lê Văn N đo sang 05m, thì giữa phần đất giữa ông Lê Văn T và anh Nguyễn Văn K phần phía sau 05m, còn lại 0.1m là đất của ông dài chạy thẳng ra sau. Sau đó thì tiến hành đo đạc giao đất thì có mặt các bên và cắm ranh đất đến nay vẫn còn, chỉ có phần ngay vị trí cái eo 0.1m giáp đất giữa ông Lê Văn T và anh Nguyễn Văn K thì có cắm 2 cây cột, cây cột trong là ranh đất của ông Kiên, cây cột ngoài là ranh đất của ông Lê Văn T, chiều ngang eo là 0.1m, nhưng nay hai cây cột cắm ông Kiên đã nhổ bỏ, còn cây cột phía trước đất của ông Kiên thì vẫn còn đo chiều ngang đất của ông Kiên là 5.6m, cây cột phía sau đất 5m thì vẫn còn hai cây cột hai bên. Còn 3 cây cột của ông Lê Văn T giáp với đất của tôi thì vẫn giữ nguyên như vậy, không có thay đổi. Khi anh Nguyễn Văn K xây dựng nhà, thì anh Nguyễn Văn K đã tự ý nhổ trụ đá làm ranh giữa hai phần đất, nên ông và ông Lê Văn T mới đo lại đủ chiều ngang đủ 11m thì ông Lê Văn T cắm lại trụ đá làm ranh. Lúc này có ông Kiên chứng kiến và thợ cất nhà của anh Nguyễn Văn K. Ông xác định ông đã giao đủ đất cho chị Đặng Xuân Đ, việc giao đất có cắm ranh, có mặt mọi người chứng kiến, sau đó chị Đặng Xuân Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông không đồng ý theo yêu cầu của chị Đặng Xuân Đ.

Đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P ông Phạm Thanh H trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn T tại một phần thửa đất 1002, tờ bản đồ số 08 (phần giáp lộ) diện tích 190.7m² cấp theo thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại hợp đồng số 220 được Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long chứng thực ngày 06/7/2015. Khi thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Xuân Đ tại thửa 1009, tờ bản đồ số 08 thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện có thực hiện trích đo thửa đất. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T và chị Đặng Xuân Đ được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp. Việc bà Đặng Xuân Đ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T, Ủy ban nhân dân huyện P đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được: Lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng, biên bản đo đạc, định giá đất, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T, chị Đặng Xuân Đ, Công văn của Ủy ban nhân dân về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Về các đương sự trong vụ án các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đại diện Ủy ban nhân dân huyện P ông Phạm Thanh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Thanh H.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Xuân Đ đối với ông Lê Văn T yêu cầu trả diện tích đất $1.63m^2$; Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa chị Đặng Xuân Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn T diện tích đất là $0.77m^2$, xét thấy việc rút đơn của chị Đặng Xuân Đ là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 11 tháng 5 năm 2016 chị Đặng Xuân Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T trả lại phần đất có diện tích chiều ngang 1.4m, chiều dài 16.3m; tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/8/2016 thì chị Đặng Xuân Đ có khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Lê Văn T trả cho chị Đặng Xuân Đ diện tích chiều ngang phía trước là 0.04m, chiều ngang phía sau là 0.14m chiều dài 15.32m. Do đó đây là quan hệ tranh chấp đòi quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân huyện P ông Phạm Thanh H chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án vắng mặt đối với ông Phạm Thanh H.

[2] Về nội dung vụ án: chị Đặng Xuân Đ khởi kiện ông Lê Văn T đòi phần đất có diện tích $2.4m^2$. Theo biên bản đo đạc, thẩm định ngày 04/8/2016 thì phần đất tranh chấp theo sự xác định của anh Nguyễn Văn K (được chị Đặng Xuân Đ ủy quyền) có diện tích, vị trí như sau: Hướng Đông giáp lộ Cầu Phước Long 2 có số đo 0.04m; Hướng Tây giáp phần đất ông Lê Văn T đang quản lý sử dụng có số đo 0.28m; Hướng Nam giáp đất chị Đặng Xuân Đ có số đo 15.32m; Hướng Bắc giáp phần đất ông Lê Văn T có số đo 15.32m; Diện tích: $2.4m^2$.

Ngày 13/4/2017 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định lại phần đất tranh chấp, thì tại biên bản xem xét thẩm định thì xác định phần diện tích: Hướng Đông giáp lộ cầu Phước Long 2 có số đo 0.04m; Hướng Tây giáp phần đất ranh ông Lê Văn T đang sử dụng có số đo 0.06m; Hướng Nam giáp vị trí tường anh Nguyễn Văn K sử dụng có chiều dài 15.32m; Hướng Bắc giáp ranh đất ông Lê Văn T sử dụng (phần tranh chấp) có chiều dài 15.33m; Diện tích: $0.77m^2$. Đối với phần đất này qua xem

xét thẩm định ông Lê Văn T không sử dụng, quản lý phần. Từ đó chị Đặng Xuân Đ, anh Nguyễn Văn K thống nhất rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không tiếp tục khởi kiện ông Lê Văn T đối với phần đất này nữa. Xét việc rút đơn của chị Đặng Xuân Đ là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tụng dân sự đình chỉ một phần giải quyết vụ án đối với phần diện tích đất tranh chấp $0.77m^2$. Phần diện tích đất còn lại chị Đặng Xuân Đ khởi kiện ông Lê Văn T có diện tích $1.63m^2$.

[3] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Vào năm 2014 ông Trần Đồng T có chuyển nhượng cho chị Đặng Xuân Đ phần đất có diện tích chiều ngang 5.6m, cạnh hướng Nam giáp đất ông Lê Văn N có chiều dài 16.3m, cạnh hướng Bắc là 16.4m. Việc chuyển nhượng diễn ra thành hai lần, lần đầu chuyển nhượng chiều ngang 05m, lần sau chuyển nhượng thêm 0.6m. Giáp với phần đất của chị Đặng Xuân Đ thì ông Trần Đồng T có chuyển nhượng cho ông Lê Văn T phần đất cặp ranh, phần đất có chiều ngang 11m, chiều dài 43.5m. Việc chuyển nhượng đất ông Trần Đồng T có đo đạc thực tế giao đất cho chị Đặng Xuân Đ và ông Lê Văn T. Chị Đặng Xuân Đ, anh Nguyễn Văn K xác định: việc đo đạc khi cắm trụ đá là đo bằng thước dây, giao đủ diện tích đất chuyển nhượng, các trụ đá cắm đến nay ở hai đầu vẫn giữ y vị trí không có ai xê dịch trụ đá ra vị trí khác. Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 13/4/2017 thì trụ đá cắm ranh ở hai đầu phần đất của chị Đặng Xuân Đ và ông Lê Văn T vẫn còn.

[4] Theo anh Nguyễn Văn K xác định ranh đất giữa anh Nguyễn Văn K và ông Lê Văn T khi ông Trần Đồng T giao là không thẳng, ở đoạn vị trí chiều dài 16.3m thì đất bên anh có đoạn ẹo ra ngoài đất của ông Lê Văn T là 0.2m, nên mới có việc ông Lê Văn T lấn của anh chiều ngang 0.26m như theo yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Xuân Đ. Quá trình làm việc Tòa án có xác minh trực tiếp đối với anh Đạt thì anh Đạt xác định: anh có chứng kiến việc đo đạc giao đất giữa ông Trần Đồng T với chị Đặng Xuân Đ, ông Lê Văn T, việc giao đất có đo đạc thực tế và cắm trụ đá làm ranh, giữa ranh chị Đặng Xuân Đ với ranh đất của ông Lê Văn T khi giao là thẳng hàng với nhau, còn vị trí giáp với đất ông Lê Văn N có một co ẹo vào, nhưng diện tích ẹo vào bao nhiêu thì anh Đạt không nhớ. Lời trình bày của anh Đạt phù hợp với lời khai của ông Trần Đồng T, ông Lê Văn T là ranh đất giữa chị Đặng Xuân Đ và ông Lê Văn T là thẳng hàng với nhau, việc đất anh Nguyễn Văn K có phần ẹo vào là giáp với đất của ông Lê Văn N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị Đặng Xuân Đ được cấp ở thửa 1009 về hình thể thửa đất là ở cạnh giáp với đất ông Lê Văn T là thẳng, còn giáp với cạnh đất của ông Lê Văn N mới có đoạn ẹo vào là 0.6m, từ đó ranh đất giữa ông Lê Văn T và chị Đặng Xuân Đ là thẳng chứ không phải có phần đất dư ra như lời chị Đặng Xuân Đ, anh Nguyễn Văn K trình bày.

[5] Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 04/8/2016 cũng thể hiện diện tích đất mà phía bên ông Lê Văn T sử dụng chiều ngang là 10.92m, chiều ngang phía sau tại phần đất mà chị Đặng Xuân Đ yêu cầu thì đo ngang phần đất của ông Lê Văn T (tính luôn phần đất tranh chấp chiều ngang 0.22m) thì chiều ngang của ông Lê Văn T là 10.92m, diện tích đất ông Lê Văn T sử dụng chiều ngang không đủ diện tích đất ông Lê Văn T nhận chuyển nhượng của ông Trần Đồng T là 11m, thì từ đó việc chị Đặng

Xuân Đ cho rằng ông Lê Văn T lấn đất của chị Đặng Xuân Đ chiều ngang 0.22m là không có cơ sở.

[6] Tại Công văn số 832 ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P cũng xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T, chị Đặng Xuân Đ là đúng về trình tự, thủ tục là đúng theo quy định của pháp luật, đúng với người đang sử dụng đất, khi cấp giấy cho chị Đặng Xuân Đ có trích đo thửa đất, từ đó hình thể của thửa đất được cấp so với hiện trạng thực tế là phù hợp. Vì vậy việc ông Lê Văn T đứng tên, sử dụng đối với phần đất tranh chấp là phù hợp theo quy định của pháp luật. Chị Đặng Xuân Đ cho rằng ông Lê Văn T lấn đất của chị là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[7] Vì không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Xuân Đ đối với ông Lê Văn T đòi phần đất tranh chấp, nên cũng không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Xuân Đ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T tại thửa 1002 tờ bản đồ số 8 đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Cb 764123 vào ngày 31/7/2015.

[8] Về chi phí đo đạc, định giá đất tranh chấp và thu thập tài liệu chứng cứ số tiền 8.700.000đ; Căn cứ vào Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Đặng Xuân Đ phải có nghĩa vụ chịu chịu số tiền 8.700.000đ, chị Đặng Xuân Đ đã nộp đủ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Đặng Xuân Đ phải chịu 300.000đ.

Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các khoản 9 Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 166, Điều 203 Luật đất đai;
- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Xuân Đ đối với ông Lê Văn T tranh chấp quyền sử dụng đất có diện tích 1.63m² tại thửa 1002 tờ bản đồ số 8 do ông Lê Văn T đứng tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 764123 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 31/7/2015. Đất tọa lạc tại ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí số đo như sau:

- Hướng Tây giáp phần đất ông Lê Văn T đang quản lý sử dụng có số đo 0.22m
- Hướng Nam giáp đất chị Đặng Xuân Đ có số đo 15.33m
- Hướng Bắc giáp phần đất ông Lê Văn T có số đo 15.33m

2. Đình chỉ một phần giải quyết vụ án do chị Đặng Xuân Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn T đối với phần diện tích đất 0.77m² đất có diện tích, vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp lộ cầu Phước Long 2 có số đo 0.04m
- Hướng Tây giáp phần đất ranh ông Lê Văn T đang sử dụng có số đo 0.06m
- Hướng Nam giáp vị trí tường anh Nguyễn Văn K sử dụng có chiều dài 15.32m
- Hướng Bắc giáp ranh đất ông Lê Văn T sử dụng (phần tranh chấp) có chiều dài 15.33m

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Xuân Đ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 764123 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 31/7/2015 cho ông Lê Văn T đối với thửa đất số 1002 tờ bản đồ số 08.

4. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá đất tranh chấp và chi phí thu thập tài liệu chứng cứ chị Đặng Xuân Đ phải chịu số tiền 8.700.000đ (Tám triệu bảy trăm nghìn đồng), chị Đặng Xuân Đ đã nộp đủ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Đặng Xuân Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); chị Đặng Xuân Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) lai thu tiền số 0002487 ngày 11/5/2016, số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) lai thu tiền số 0002663 ngày 31/8/2016, đối trừ chị Đặng Xuân Đ được hoàn lại 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- CQTHA huyện Phước Long
- VKSND huyện Phước Long
- Các đương sự
- Lưu

(Đã ký)

Hồ Huỳnh Tố Hiền